

Bản án số: 46/2021/HS-PT  
Ngày: 10-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Ngẫu

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thu Trang

Bà Phan Thị Mai Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phổ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 09/2021/HSPT, ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị Lan P, Trần Minh Q, do có kháng cáo của các bị cáo M, B, P, Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2020/HS-ST, ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Thị M**, sinh ngày 10-10-1975 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 11, ấp TS, xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Đặng Thị A, sinh năm 1938 (đã chết); có chồng Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (đã chết); có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: có 01 tiền án: ngày 11-12-2012, bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” (theo Bản án số 110/2012/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/3/2013; chấp hành xong hình phạt bổ sung ngày 06-7-2020, chưa được xóa án tích; tiền sự: không có; nhân thân: ngày 16-7-2010, bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (theo Bản án 36/2010/HS-ST), đã được xóa án tích; bị tạm giữ ngày 20-6-2020, trả tự do ngày 21-6-2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29-6-2020, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Thị B** (tự T), sinh năm 1963 tại Campuchia; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 4, ấp TĐ 2, xã TL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết D, sinh năm 1920 (đã chết) và bà Đào Thị G, sinh năm 1924 (đã chết); có chồng Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (đã ly hôn); có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 19-11-2020, bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (theo Bản án số 104/2020/HS-ST); bị tạm giữ ngày 20-6-2020, trả tự do ngày 21-6-2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29-6-2020, có mặt tại phiên tòa.

**3. Lê Thị Lan P**, sinh ngày 21-5-1978 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 5, khu phố 5, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh X, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; có chồng Phạm Văn T, sinh năm 1974 (đã ly hôn); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 20-6-2020, trả tự do ngày 21-6-2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29-6-2020, có mặt tại phiên tòa.

**4. Trần Minh Q** (tự T), sinh ngày 09-8-1974 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: ấp LA, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Trần Thị Q, sinh năm 1937 (đã chết); vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ ngày 20-6-2020, trả tự do ngày 21-6-2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29-6-2020, có mặt tại phiên tòa.

*Ngoài ra còn có các bị cáo Trần Văn T, Phan Thúy M, Trương Văn H, Nguyễn Văn H, Hồ Thị P, Phạm Thị L, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn N, Phạm Thị N, Tạ Quốc L không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ khoảng đầu tháng 6/2020 đến ngày 20-6-2020 tại vườn cao su thuộc ấp TĐ1, xã TL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, Trần Văn T cùng vợ là Phan Thúy M đã tổ chức đánh bạc bằng hình thức chơi tài xỉu, thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. T quy định khi nhà cái

bảo thì sẽ trả tiền xâu cho T là 50.000 đồng, trung bình mỗi ngày T thu tiền xâu khoảng 300.000 đồng, T và M đã dùng số tiền này để sử dụng cho mục đích cá nhân.

Ngày 20-6-2020, sòng tài xỉu hoạt động từ khoảng 12 giờ đến 15 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện TB bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 05 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ trắng, 01 nắp nhựa được quấn băng keo màu đen, 01 tấm manh cùng nhiều tài sản và tang vật khác trên người những người tham gia đánh bạc.

Qua điều tra đã xác định:

Những người tham gia làm cái ngày 20-6-2020 gồm: Nguyễn Văn H và Trương Văn H hùn nhau làm cái, trong đó H bỏ ra trước số tiền 4.000.000 đồng làm cái, trực tiếp lắ tài xỉu và chung chi. H làm cái khoảng 60 phút thì thua hết 4.000.000 đồng và kêu H đưa tiếp 5.000.000 đồng để bổ sung tiền làm cái. Sau đó, H và H thay phiên nhau lắ, chung chi tiền cho đến khi Công an bắt quả tang đã thua hết số tiền 8.040.000 đồng, còn 960.000 đồng H, H đã tiêu xài hết.

Những người tham gia đặt tụ là 11 người, gồm: Trần văn T, Lê Thị Lan P, Trần Minh Q(tự T), Nguyễn Thị B (tự T), Hồ Thị P, Phạm Thị L, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn N, Phạm Thị N, Nguyễn Thị M, Tạ Quốc L. Cụ thể từng người dùng số tiền, tham gia đặt tụ và bị tạm giữ tiền cụ thể như sau:

- Trần Văn T sử dụng 14.500.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang thắng 500.000 đồng, bị tạm giữ tổng cộng là 15.000.000 đồng.

- Lê Thị Lan P sử dụng 17.977.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang không thắng, không thua, bị tạm giữ toàn bộ số tiền 17.977.000 đồng.

- Trần Minh Q sử dụng 10.000.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang thua 600.000 đồng, bị tạm giữ 9.400.000 đồng.

- Nguyễn Thị B sử dụng 7.023.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang không thắng, không thua, bị tạm giữ 7.023.000 đồng.

- Hồ Thị P sử dụng 1.424.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang thắng 50.000 đồng, bị tạm giữ 1.474.000 đồng.

- Phạm Thị L sử dụng 1.200.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang đã thua hết tiền, không bị tạm giữ số tiền nào.

- Nguyễn Thanh L mang theo 1.157.000 đồng, sử dụng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang thua 150.000 đồng, bị tạm giữ 1.007.000 đồng.

- Nguyễn Văn N sử dụng 1.100.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang thắng 200.000 đồng, bị tạm giữ 1.300.000 đồng.

- Phạm Thị N sử dụng 809.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang thua 200.000 đồng, bị tạm giữ 609.000 đồng.

- Nguyễn Thị M sử dụng 300.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang đã thua hết tiền, không bị tạm giữ số tiền nào.

- Tạ Quốc L sử dụng 300.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị Công an bắt quả tang đã thua hết tiền, không bị tạm giữ số tiền nào.

Tổng số tiền dùng để đánh bạc vào ngày 20-6-2020 là 64.790.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2020/HS-ST, ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Lan P 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B (tự T) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh Q (tự T) 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử phạt đối với 10 bị cáo khác về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07-12-2020, bị cáo Trần Minh Q kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền;

Ngày 09-12-2020 các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị Lan P kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

**Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo Nguyễn Thị B (T), Lê Thị Lan P giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị M rút lại một phần kháng cáo, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Minh Q thay đổi một phần nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm xử lý vụ án: khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, xử phạt bị cáo M 03 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, không nặng; xử phạt bị cáo Q 09 tháng tù, xử phạt bị cáo B 01 năm tù, xử phạt bị cáo P 01 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo M, B, P, Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị Lan P không tranh luận

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo M trình bày lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về lo cho con cái. Các bị cáo B, P, Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Tại phiên tòa, các bị cáo M, B, P, Q thừa nhận toàn bộ lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai, không bị ai ép buộc, các bị cáo cũng không có khiếu nại gì. Do đó các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[1.2] Các bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị Lan P bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xét xử vào ngày 03-12-2020; ngày 07-12-2020, bị cáo Trần Minh Q kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt bằng hình phạt

tiền; ngày 09-12-2020 các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị Lan P kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị Trần Minh Q (T), Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B (T), Lê Thị Lan Ph đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 20-6-2020 tại vườn cao su do Trần Văn T và vợ là Phan Thúy M canh giữ thuê, thuộc ấp TĐ1, xã TL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B (tự T), Lê Thị Lan P, Trần Minh Q (tự T) cùng với Nguyễn Văn H, Trương Văn H, Trần Văn T, Hồ Thị P, Phạm Thị L, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn N, Phạm Thị N và Tạ Quốc L tham gia đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng, thua bằng tiền. Đến 15 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang cùng tang vật. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 64.790.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Thị Lan P, Trần Minh Q (tự T), Nguyễn Thị B (tự T), Nguyễn Thị M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của những người tham gia, đồng thời là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc tại địa phương, giữ gìn trật tự công cộng nói chung và phòng chống các loại tội phạm nói riêng nên cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B, Lê Thị Lan P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị M: bị cáo tham gia đánh bạc số tiền 300.000 đồng, số tiền tuy không lớn, nhưng bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị Tòa án xét xử về tội đánh bạc 02 lần, trong đó có 01 lần đến nay chưa được xóa án tích (theo Bản án số 110/2012/HSST, ngày 11-12-2012 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh) mà còn tiếp tục phạm tội đánh bạc. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất hạn chế. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt, không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không cung cấp thêm được tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị B (tự T): bị cáo sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc là 7.023.000 đồng là lớn, tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 35.000.000 đồng về tội đánh bạc (theo Bản án số 104/2020/HS-ST, ngày 19-11-2020), xét xử về hành vi phạm tội trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có xem xét cho bị cáo, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.3] Đối với bị cáo Lê Thị Lan P: tuy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc là 17.977.000 đồng, mức độ thắng, thua lớn; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét cho bị cáo, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.4] Đối với bị cáo Trần Minh Q (tự T): bị cáo sử dụng số tiền tham gia đánh bạc là 10.000.000 đồng, mức độ thắng, thua thấp hơn bị cáo P. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của địa phương; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có khả năng tự cải tạo, không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, đồng thời cũng không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B (tự T), Lê Thị Lan P; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh Q (tự T); chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của các bị cáo M, B, P không được chấp nhận nên các bị cáo M, B, P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Q được chấp nhận, bị cáo Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B (tự T), Lê Thị Lan P; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh Q (tự T)

Sửa Bản án sơ thẩm số 108/2020/HS-ST, ngày 03-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

1- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

2- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B (tự T) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

3- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Lan P 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20-6-2020 đến ngày 21-6-2020.

4- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Q (tự T) 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (10-3-2021).

Giao bị cáo Trần Minh Q (tự T) cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.



Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5- Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B (tự T), Lê Thị Lan P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Minh Q (tự T) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT 1 (TANDCC);
- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện TB;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Công an huyện TB;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV-THA;
- Bị cáo;
- Lưu THS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Văn Ngẫu**